

Số: 09/2023/NQ-HDND

Hậu Giang, ngày 14 tháng 7 năm 2023

NGHỊ QUYẾT

Quy định mức thu các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục ngoài học phí đáp ứng nhu cầu người học của cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn tỉnh Hậu Giang

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH HẬU GIANG
KHÓA X KỲ HỌP THỨ 16**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;
Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;
Căn cứ Luật giá ngày 20 tháng 6 năm 2012;
Căn cứ Luật Giáo dục ngày 14 tháng 6 năm 2019;
Căn cứ Nghị định số 24/2021/NĐ-CP ngày 23 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định việc quản lý trong cơ sở giáo dục mầm non và cơ sở giáo dục phổ thông công lập;
Căn cứ Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo;
Xét Tờ trình số 60/TTr-UBND ngày 26 tháng 6 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hậu Giang về dự thảo Nghị quyết quy định mức thu các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục ngoài học phí đáp ứng nhu cầu người học của cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn tỉnh Hậu Giang; Báo cáo thẩm tra của Ban Văn hóa - Xã hội Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định mức thu các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục ngoài học phí đáp ứng nhu cầu người học của cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn tỉnh Hậu Giang.

2. Đối tượng áp dụng

a) Trẻ em mầm non, mẫu giáo, học sinh phổ thông đang học tại các cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn tỉnh Hậu Giang.

b) Các cơ sở giáo dục mầm non, mẫu giáo, phổ thông công lập trên địa bàn tỉnh Hậu Giang.

c) Các cơ quan, đơn vị khác có liên quan.

Điều 2. Danh mục và mức thu các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục ngoài học phí đáp ứng nhu cầu người học của cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn tỉnh Hậu Giang (Đính kèm Phụ lục)

Điều 3. Cơ chế quản lý thu, chi

1. Việc thu, chi các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục phải đảm bảo đúng quy định, mang tính chất phục vụ, không mang tính kinh doanh; phải công khai, dân chủ, đúng mục đích. Trường hợp kinh phí chênh lệch mức chi cao hơn mức thu của dịch vụ thi tuyển sinh lớp 10 chuyên và dịch vụ thi tuyển sinh lớp 10 các trường trung học phổ thông sẽ cân đối trong nguồn sự nghiệp giáo dục được giao hàng năm.

2. Các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục của cơ sở giáo dục công lập tính theo số tiết, số tháng, theo ngày, theo môn, theo kỳ thi (theo thực tế thời gian học sinh đến trường).

3. Hạch toán các khoản thu, chi và thực hiện công khai theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các quy định pháp luật hiện hành.

4. Mức thu giá dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục của cơ sở giáo dục công lập tại Nghị quyết này là mức tối đa. Trong quá trình triển khai thực hiện, cơ sở giáo dục công lập thỏa thuận với cha mẹ học sinh mức thu từng dịch vụ phù hợp với điều kiện của từng đơn vị, địa phương nhưng không vượt mức thu quy định tại Nghị quyết này.

Điều 4. Đối tượng được miễn, giảm

Miễn, giảm thu các khoản thu theo quy định tại Điều 2 Nghị quyết này (không bao gồm tiền ăn, nước uống) đối với học sinh thuộc đối tượng tại Điều 15, Điều 16 Nghị định số 81/2021/NĐ-CP của Chính phủ quy định cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục.

Điều 5. Nghị quyết này bãi bỏ Nghị quyết số 04/2020/NQ-HĐND ngày 07 tháng 7 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua cơ chế thu và sử dụng mức thu dịch vụ tuyển sinh lớp 10 trung học phổ thông trên địa bàn tỉnh Hậu Giang.

Điều 6. Hội đồng nhân dân tỉnh giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết theo quy định pháp luật.

Hội đồng nhân dân tỉnh giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Hậu Giang Khóa X Kỳ họp thứ 16 thông qua ngày 14 tháng 7 năm 2023 và có hiệu lực từ ngày 24 tháng 7 năm 2023. /.

Nơi nhận:


- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Cục Quản trị II;
- Cục Hành chính - Quản trị II;
- Bộ Tài chính;
- Bộ Giáo dục và Đào tạo;
- Bộ Tư pháp (Cục Kiểm tra văn bản QPPL);
- TT: TU, HĐND, UBND tỉnh;
- Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- UBMTTQVN và đoàn thể tỉnh;
- Các sở, ban, ngành tỉnh;
- HĐND, UBND, UBMTTQVN cấp huyện;
- Cơ quan Báo, Đài tỉnh;
- Công báo tỉnh;
- Công Thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT. VT



CHỦ TỊCH

Trần Văn Huyền

Trần Văn Huyền


Phụ lục
DANH MỤC VÀ MỨC THU CÁC KHOẢN THU DỊCH VỤ PHỤC VỤ,
HỖ TRỢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC NGOÀI HỌC PHÍ ĐÁP ỨNG
NHU CẦU NGƯỜI HỌC CỦA CƠ SỞ GIÁO DỤC CÔNG LẬP
TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH HẬU GIANG

(Kèm theo Nghị quyết số 09/2023/NQ-HĐND ngày 14 tháng 7 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hậu Giang)

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Mức tối đa
I	Các khoản thu dịch vụ phục vụ hoạt động giáo dục		
1	Dịch vụ chăm sóc trẻ vào ngày thứ Bảy, chủ Nhật hoặc trong hè (nếu có)	Nghìn đồng/ ngày/trẻ	35
2	Dịch vụ dạy trẻ mầm non, mẫu giáo làm quen với tiếng Anh	Nghìn đồng/ tháng/trẻ	35
3	Dịch vụ dạy môn ngoại ngữ cho học sinh lớp 1, lớp 2 (môn tự chọn)	Nghìn đồng/ tháng/học sinh	35
4	Dịch vụ dạy môn Tin học cho học sinh lớp 1, lớp 2 (môn tự chọn)	Nghìn đồng/ tháng/học sinh	20
5	Dịch vụ dạy hai buổi/ngày (ngoài chương trình bắt buộc của Bộ Giáo dục và Đào tạo)	Nghìn đồng/tiết/ học sinh	
	- Tiểu học		5
	- Trung học cơ sở		4,5
	- Trung học phổ thông	5	
6	Dịch vụ ôn thi tuyển sinh lớp 10	Nghìn đồng/tiết/ học sinh	5
7	Dịch vụ ôn thi tốt nghiệp trung học phổ thông	Nghìn đồng/tiết/ học sinh	5
8	Dịch vụ học thêm các môn văn hóa trong cơ sở giáo dục công lập cấp trung học cơ sở, trung học phổ thông	Nghìn đồng/tiết/ học sinh	
	- Trung học cơ sở		4,5
	- Trung học phổ thông		5
9	Dịch vụ giáo dục kỹ năng sống, năng khiếu (thể dục thể thao, văn hóa nghệ thuật) phổ thông	Nghìn đồng/ tháng/học sinh	60

10	Dịch vụ các chương trình dạy học phát triển tư duy có ứng dụng công nghệ, giáo dục STEM: cấp tiểu học, cấp trung học cơ sở, trung học phổ thông	Nghìn đồng/tiết/ học sinh	
	- Tiểu học		7
	- Trung học cơ sở		7
	- Trung học phổ thông		8
11	Dịch vụ tiền ăn bán trú	Nghìn đồng/ ngày/trẻ	30
12	Dịch vụ giữ xe cho học sinh		
	- Xe đạp	Nghìn đồng/lượt/xe	1
		Nghìn đồng/tháng/xe	20
	- Xe máy, xe đạp điện	Nghìn đồng/lượt/xe	2
Nghìn đồng/tháng/xe		30	
II	Các khoản thu hỗ trợ hoạt động giáo dục		
1	Dịch vụ tổ chức bán trú	Nghìn đồng/ tháng/trẻ	
	- Mầm non, mẫu giáo		80
	- Tiểu học		180
2	Dịch vụ ký túc xá trường chuyên	Nghìn đồng/ tháng/học sinh	90
3	Dịch vụ thi tuyển sinh lớp 10 trường chuyên	Nghìn đồng/kỳ thi/học sinh	150
	Dịch vụ thi tuyển sinh lớp 10 các trường trung học phổ thông		100
	Dịch vụ phúc khảo các môn thi chung	Nghìn đồng/ môn/học sinh	30
4	Dịch vụ thuê người vệ sinh trường học đối với các cấp học mầm non, mẫu giáo, tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông	Nghìn đồng/ tháng/học sinh	10